

Số: 1803 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình
thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2025**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	CĐ: 6
	Ngày: 02.16.12025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài Chính về việc ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 872/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2025, cụ thể như sau:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tưới, tiêu bằng trọng lực đối với đất trồng lúa là 945.000 đồng/ha/vụ.

2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tưới tiêu chủ động hoàn toàn bằng trọng lực đối với đất trồng lúa là 945.000 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 100% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tưới tiêu chủ động một phần bằng trọng lực đối với đất trồng lúa là 567.000 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 60% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực đối với đất trồng lúa là 378.000 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 40% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

5. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước tưới cho đất trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày là 378.000 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 40% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

6. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu là 756.000 đồng/ha/vụ. Mức giá bằng 80% mức giá tưới tiêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

7. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước cho sản xuất muối là 1.958.700 đồng/ha/năm.

8. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước để nuôi trồng thủy sản là 3.222.000 đồng/ha/năm (322 đồng/m² mặt thoáng/năm); trường hợp cấp nước lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước để nuôi trồng thủy sản.

9. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Giao Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Bến Tre phối hợp cùng địa phương triển khai:

1. Thông báo rộng rãi mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nước biết và thực hiện theo Quyết định này.

2. Lập bảng kê diện tích được tưới, nhu cầu sử dụng nước và thực hiện đầy đủ việc ký kết và nghiệm thu hợp đồng sử dụng nước với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước; tổ chức quản lý, vận hành, bảo vệ, sửa chữa công trình đảm bảo phục vụ công tác tưới, tiêu theo hợp đồng đã ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, thẩm định, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt diện tích và dự toán kinh phí cấp bù số tiền do thực hiện chính sách miễn thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Bến Tre.

b) Chịu trách nhiệm tổng hợp về dự toán và quyết toán kinh phí cấp bù số tiền do thực hiện chính sách miễn thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Bến Tre.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm kiểm tra diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước được cấp bù số tiền do thực hiện chính sách miễn thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi hàng năm của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả danh mục công trình và biện pháp tưới, tiêu nước áp dụng đối với từng công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh).

b) Chịu trách nhiệm theo dõi kiểm tra và hướng dẫn đơn vị liên quan áp dụng biện pháp tưới, tiêu, cấp nước đối với từng hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh phù hợp với quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Bến Tre; Chi cục Thuế Khu vực XVIII; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bến Tre;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bến Tre;
- Đài PT&TH Bến Tre;
- Báo Đồng Khởi;
- Ban Tiếp công dân (niêm yết);
- Phòng: KT, TH, TC&ĐT;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Ngọc Tam